

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/4/2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Ánh Dương.

2. Bà Vũ Thị Về.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm- Hôn nhân và gia đình thụ lý số 168/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/11/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N - Sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn L - Sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Triệu Văn T, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt.

2. Bà Bàn Thị Q, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày: Chị và anh Triệu Văn L có tình cảm và tự nguyện về chung sống với nhau từ cuối năm 2001. Sau đó ngày 19/9/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L luôn uống rượu không tu chí làm ăn. Sau nhiều lần được bố mẹ khuyên giải nhưng anh L vẫn không thay đổi. Đến đầu năm 2018 anh L vẫn uống rượu và nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đối với Chị dưới sự chứng kiến của các con và hàng xóm. Đến tháng 6/2018 Chị đi làm thuê và bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống và sống ly thân với anh L từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bản giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn L.

Về con: Chị và anh Triệu Văn L có 02 con chung, cháu thứ nhất là Triệu Thị M - sinh ngày 11/12/2001 cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên chị không đề cập giải quyết; cháu thứ hai là Triệu Hương L1 - sinh ngày 21/12/2003, hiện ở với anh L, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu L1 cho anh Lợi tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Chị N và anh Triệu Văn L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Triệu Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống và ngày, tháng, địa điểm đăng ký kết hôn như chị Đặng Thị N trình bày là đúng. Sau khi chung sống và kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị N tự ý bỏ đi tỉnh B làm thuê bỏ mặc 03 bố con ở nhà từ đó đến nay không về nhà cũng không gửi tiền về để nuôi con và theo Anh biết chị N có biểu hiện ngoại tình. Anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nhưng nguyên nhân là do lỗi của chị N nên chị N phải về xin lỗi anh và gia đình anh thì anh sẽ nhất trí ly hôn.

Về con: Anh và chị Đặng Thị N có 02 con chung, cháu thứ nhất là Triệu Thị M - sinh ngày 11/12/2001 cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên anh không đề cập giải quyết; cháu thứ hai là Triệu Hương L1 - sinh ngày 21/12/2003, hiện ở với anh, nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Anh L và chị Đặng Thị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các Điều 227, 228, 229, 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Triệu Văn L.

Về con chung: Giao cháu Triệu Hương L1 - sinh ngày 21/12/2003 cho anh Triệu Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi. Chị Đặng Thị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Thị N phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Đặng Thị N yêu cầu tranh chấp Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Xét thấy, bị đơn anh Triệu Văn L cư trú tại Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị Đặng Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Triệu Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh L như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị N và anh L sinh sống và chị N, anh L xác định sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng hay cãi chửi nhau nguyên nhân một phần do anh L hay uống rượu nhiều lần chửi mắng, xúc phạm chị N và một phần do chị N cũng không chịu chồng mà cãi lại. Tháng 6/2018 chị N bỏ đi làm xa thỉnh thoảng có về nhà Bố mẹ để cùng thôn nhưng không về gia đình mình. Anh, chị không ai quan tâm đến ai nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế. Mâu thuẫn của anh L, chị N đã được thôn bản Hòa giải nhưng vợ chồng không thay đổi được. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn anh L.

[3] Về con: Chị Đặng Thị N và anh Triệu Văn L có 02 con chung, cháu thứ nhất là Triệu Thị M - sinh ngày 11/12/2001 cháu đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên anh, chị không yêu cầu giải quyết là có căn cứ; cháu thứ hai là Triệu Hương L1 - sinh ngày 21/12/2003, hiện ở với anh L, cháu cũng sắp đến tuổi trưởng thành, anh L là lao động tự do tại địa phương công việc là trồng trọt và chăn nuôi thu nhập khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ/01 tháng nên giao cháu L1 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu L1 và các đương sự.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Chị N và anh Triệu Văn L tự thỏa thuận không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đặng Thị N phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Đặng Thị N.

- Về hôn nhân: Chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Triệu Văn L.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Triệu Hương L1 - sinh ngày 21/12/2003 cho anh Triệu Văn L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi. Chị Đặng Thị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AC/2012/0001704 ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Đặng Thị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Triệu Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- UBND xã T(01);
- Các đương sự(02);
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái

